

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 101/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 26 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công nhận (xã, thị trấn) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;*

*Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kết quả thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật ngày 18 tháng 01 năm 2023;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 13/13 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 (có Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện và UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện (để đăng tải);
- Lưu: VT, NC.





## DANH SÁCH

### XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Tên xã, thị trấn (1)	Tổng điểm (2)	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
<b>I</b>	<b>Các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>							
1	Xã An Hòa	100	10	30	15	20	25	
2	Xã Vĩnh Nhuận	99	10	30	15	19	25	
3	Xã Vĩnh An	97	10	30	12	20	25	
4	Xã Bình Thạnh	95,5	10	25,5	15	20	25	
5	Xã Cần Đăng	93,5	10	29,5	15	20	19	
6	Xã Tân Phú	92,5	10	30	14,5	19	19	
7	Xã Vĩnh Lợi	92	10	28	15	20	19	
8	Xã Vĩnh Thành	91	7	28,5	14,5	16	25	
9	Xã Bình Hòa	90	10	30	15	16	19	
10	Xã Vĩnh Hanh	86,5	7	29,5	15	16	19	
11	Xã Hòa Bình Thạnh	84	7	25	15	18	19	
<b>II</b>	<b>Các thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>							
1	Thị trấn An Châu	100	10	30	15	20	25	
2	Thị trấn Vĩnh Bình	90,5	10	29,5	12	14	25	